TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2021
Về việc "Ly hôn và giải quyết vấn đề con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Công.

2. Ông Lê Minh Huy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Hồ Đạt Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn và giải quyết vấn đề con chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/202 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ka T, sinh năm 1994; địa chỉ: số 190, thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Ha G, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Ka T có mặt, ông Ha G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Ka T và ông Ha G kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo bà Ka T thì vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Ha G không có trách nhiệm với gia đình, bỏ bê con cái, thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt, đi qua đêm không liên lạc được, khi con ốm đau ông cũng không quan tâm nên vợ chồng xảy ra cãi vả kéo dài. Một mình bà Ka T đi làm để trang trải cuộc sống trong gia đình nhưng đôi khi cãi vả ông Ha G còn lớn tiếng xúc phạm,

cho rằng bà đi làm công ty có quan hệ với người khác, không chính đáng. Cũng nhiều lần bà khuyên ông Ha G sửa đổi nhưng không có kết quả gì. Đến nay vợ chồng đã ly thân được khoảng 08 tháng, không còn quan tâm gì đến nhau, nhận thấy không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Bị đơn ông Ha G xác nhận quá trình kết hôn và chung sống như bà Ka T đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì không hoàn toàn đúng, trong cuộc sống chung ông cũng có phụ giúp, cũng có quan tâm đến vợ con. Đôi lúc ông có nhậu nhẹt nhưng không bỏ bê công việc, trong thời gian ly thân thì ông cũng muốn trở về thăm con nhưng vợ và gia đình vợ cản trở. Theo ông thì nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do việc ông làm vườn thất bại, không có tiền lo cho gia đình. Quá trình giải quyết vụ án ông Ha G có nguyện vọng được giải quyết đoàn tụ vì vẫn còn tình cảm với vợ và có trách nhiệm với con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ka An D, sinh ngày 23/10/2017, bà Ka T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Ka T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông Ha G cấp dưỡng nuôi con. Ông Ha G không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho đoàn tụ nên không có ý kiến về vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Các bên xác nhận không có tài sản chung.

Về nợ chung: Các bên xác nhận không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ theo nguyện vọng của ông Ha G nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và vấn đề con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn; Giao con chung Ka An D, sinh ngày 23/10/2017 cho bà Ka T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên; Về việc cấp dưỡng: ông Ha G không tự nguyện cấp dưỡng, bà Ka T cũng không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Ka T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Ha G, cư trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập nhiều lần, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ka T và ông Ha G tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa các bên là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn kéo dài mà không thể hàn gắn được. Để xảy ra mâu thuẫn gia đình các bên trình bày theo những nguyên nhân khác nhau nhưng cùng xác nhận mâu thuẫn là có thật, điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi trước đây vợ chồng cùng chung sống. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên tự hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông Ha G có nguyện vọng đoàn tụ nhưng cũng không có động thái nào để thuyết phục bà Ka T, cũng không trở về chung sống mà để tình trạng ly thân giữa hai bên kéo dài cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải đoàn tụ theo nguyện vọng của ông Ha G nhưng ông cũng không đến làm việc. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Ka T và ông Ha G đã mâu thuẫn trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Bà Ka T và ông Ha G có 01 con chung là: Ka An D, sinh ngày 23/10/2017. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển bình thường của con chung; xét điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung về mọi mặt cần chấp nhận yêu cầu, giao con chung Ka An D cho bà Tuyên trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và đảm bảo cho ông Ha G quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84

Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết vấn đề con chung của bà Ka T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ka T được ly hôn với ông Ha G.

2. Về con chung: Giao con chung Ka An D, sinh ngày 23/10/2017 cho bà Ka T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông Ha G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Ka T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Ka T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002959 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thành Luân